TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Huyện K, tỉnh Ninh Bình	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:29/2018/HNGĐ-ST	
Ngày 17 tháng 10 năm 2018	
"V/v: Ly hôn , tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Bảo và ông Vũ Kim Mỹ

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành, Thư ký TAND huyện K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Sơn tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở cũ của Tòa án nhân dân huyện K đặt tại phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đặng Thị N, sinh năm 1988; ĐKHKTT: xóm 9, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: xóm 12, xã Â, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

2. Bị đơn: anh Bùi Văn Q, sinh năm 1976; ĐKHKTT và trú tại: xóm 9, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện có mặt chị N, vắng mặt anh Q tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 03/7/2018 và bản tự khai cùng ngày, chị Đặng Thị N là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Bùi Văn Q kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi nhau, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng với nhau về lối sống, mặt khác anh Q lười lao động, lại thường vô cớ xúc phạm chửi bới, hành hạ chị. Bản thân chị đã cố gắng nhịn nhục, động viên anh Q làm ăn nhưng anh Q không thay đổi. Do không chịu đựng được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 12, xã Â để sinh sống từ năm 2015 đến nay mỗi người mỗi nơi không ai quan tâm đến nhau. Nay chị thấy thời gian vợ chồng ly thân đã nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con cái: chị xác định vợ chồng có 03 người con chung là Bùi Đồn Đ, sinh ngày 02/02/2009, Bùi Quốc V, sinh ngày 10/7/2011 và Bùi Việt B, sinh ngày 12/11/2015, hiện cả ba cháu đều đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nhận nuôi cả ba người con chung và không yêu cầu anh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị vì anh Q lười lao động, không có nghề nghiệp gì, đang phải ăn bám gia đình, từ trước đến nay việc nuôi dưỡng các con đều do một mình chị phải gánh vác. Tại phiên tòa chị xin nhận nuôi 02 người con là Bùi Đồn Đ và Bùi Việt B, để anh Q nuôi cháu Bùi Quốc V và chị không yêu cầu anh Q phải đóng góp tiền nuôi con cho chị do chị phải nuôi hơn một người con.

Về tài sản: chị xác định vợ chồng không có tài sản gì chung nên khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Bùi Văn Q là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ do chị Nhài gửi theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Q không hợp tác làm việc, từ chối nhận thông báo thụ lý vụ án và tài liệu do chị N nhờ gửi vì vậy Tòa án đã giao cho chị Bùi Thị Y là em gái anh Q đang sống cùng nhà nhận giúp. Tuy nhiên do không hợp tác làm việc nên anh Q không có mặt trong các lần triệu tập của Tòa án, không viết bản khai trình bày ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K qua bài phát biểu tại phiên tòa thể hiện Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành theo quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật, đồng thời đề xuất việc giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, đề xuất xử ly hôn giữa chị Đặng Thị N với anh Bùi Văn Q; con chung chưa thành niên của vợ chồng giao chị N nuôi dưỡng hai người con, giao anh Q nuôi dưỡng một người con và không buộc anh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị N theo yêu cầu của chị N là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị N và anh Bùi Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, là quê của anh Q. Quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, thường cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù chị N đã cố gắng chịu đựng nhằm mong muốn anh Q thay đổi tính nết chịu khó làm ăn, thương yêu vợ con để gia đình được đoàn tụ nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể chịu đựng được nên khi sinh người con thứ ba chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 12, xã Â để sinh sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau trong nhiều năm. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với

anh Q để ổn định cuộc sống, còn anh Q, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng anh có thái độ bỏ mặc, không hợp tác, không có mặt tại Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, không tham gia hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N và anh Q đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Q là phù hợp.

[2] Về quan hệ con cái: vợ chồng có 03 người con chung là Bùi Đồn Đ, sinh ngày 02/02/2009, Bùi Quốc V, sinh ngày 10/7/2011 và Bùi Việt B, sinh ngày 12/11/2015, kể từ khi sống ly thân vào cuối năm 2015 thì cả ba cháu đều ở cùng với chị N, do chị chăm sóc toàn bộ, anh Q không có trách nhiệm gì trong việc chăm sóc con chung. Nay chị N đề nghị được tiếp tục nhận nuôi cả ba người con chung và không yêu cầu anh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị vì theo chị anh Q lười lao động, không có nghề nghiệp gì, không có thu nhập, từ trước đến nay việc nuôi dưỡng các con đều do một mình chị phải gánh vác, đồng thời chị cũng cung cấp chứng cứ là mức tiền lương thu nhập của chị đủ để chị nuôi dưỡng các con; cháu Đ và cháu V qua ý kiến trình bày nguyện vọng được ở với mẹ vì từ trước đến nay các cháu ở cùng với mẹ, được mẹ chăm sóc đầy đủ, còn bố không thăm nom, quan tâm gì đến các cháu. Tại phiên tòa chị N xin được nhận nuôi cháu Đ và cháu B, để anh Q nuôi cháu V và chị không yêu cầu anh Q phải đóng góp tiền nuôi con cho chị vì chị phải nuôi nhiều hơn anh Q một người con. HĐXX xét thấy mặc dù cả ba người con chung của vợ chồng đều đang ở với chị N, trong đó cháu Bùi Việt B còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, việc nuôi dưỡng con chung từ nhiều năm nay đều do chị N đảm nhiệm, nguyện vọng của cháu Đ và cháu V đều muốn được ở với mẹ , tuy nhiên xét chị N điều kiện kinh tế, thu nhập chỉ ở mức trung bình (7.000.000đ/tháng), việc phải nuôi cả ba người con là hết sức khó khăn vì vậy cần để chị Nhài nuôi dưỡng 02 người con là Bùi Đồn Đ và Bùi Việt B, giao anh Q nuôi dưỡng cháu Bùi Quốc V và không cần buộc anh Q phải đóng góp tiền nuôi con cho chị N do chị N phải nuôi hơn một người con như sự tự nguyện của chị N là phù hợp.

[3] Về tài sản: chị N không yêu cầu giải quyết, còn anh Q không có ý kiến gì vì vậy HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 144, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Xử ly hôn giữa chị Đặng Thị N với anh Bùi Văn Q.

Giao chị N nuôi dưỡng 02 người con chung của vợ chồng là Bùi Đồn Đ, sinh ngày 02/02/2009 và Bùi Việt B, sinh ngày 12/11/2015 để anh Q nuôi dưỡng cháu Bùi Quốc V, sinh ngày 10/7/2011 và hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Án phí ly hôn sơ thẩm chị N phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002868 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án huyện K.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Q ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. Hội đồng xét xử SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Mạnh